

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 77/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31-8-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đỗ Huy Phong.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hùng;

2. Ông Cao Hoài Hiêm.

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Thế Sự - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: ông Trần Tấn Anh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 và 31 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 81/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Mai Thị Ngọc T, sinh năm 1990; địa chỉ: ấp XDTP, huyện GD, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* anh Đặng Văn T, sinh năm 1990; địa chỉ: khu phố LK, phường GL, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Mai Thị Ngọc T trình bày:

+ Về hôn nhân: : tôi và anh Đặng Văn T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã PD, huyện GD, tỉnh Tây Ninh, ngày 04-11-2015. Sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng nhà với cha mẹ anh T tại xã PD, huyện GD được khoảng 06 tháng, tới khi tôi có bầu khoảng 03-04 tháng thì tôi về nhà cha mẹ tôi tại ấp XD, xã TP, huyện GD sống tới nay. Hiện căn nhà ở PD, huyện GD cha mẹ anh Th đã bán, anh T sống cùng cha mẹ tại khu phố LK, phường GL, thị xã TB.

Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống do tính tình không phù hợp. Vợ chồng không sống chung nhà, tôi ở nhà cha mẹ tôi còn anh T ở nhà cha mẹ anh T. Anh T không chăm lo cho mẹ con tôi, anh T đi làm tiền lương không đủ trả nợ cho anh T tôi còn phải trả nợ phụ anh T. Trước đây tôi có nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, sau đó hòa giải tôi đồng ý đoàn tụ để cho anh T có cơ hội sửa đổi nhưng anh T vẫn không thay đổi.

Vợ chồng sống ly thân từ tháng 6 năm 2022 tới nay, không ai nói chuyện với ai và cũng không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm. Tôi thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên yêu cầu được ly hôn với anh T.

+ Về con chung: có 01 con chung là cháu Đặng Thị Ngọc H, sinh ngày 16-11-2016. Cháu H học xong lớp 1 chuẩn bị lên lớp 2. Tôi làm công nhân thu nhập hàng tháng khoảng 8.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng. Từ lúc sinh cháu H tới nay một mình tôi chăm sóc cháu H, anh T không phụ giúp gì hết, hiện cháu H được tôi chăm sóc rất tốt. Khi ly hôn tôi yêu cầu được nuôi cháu H, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Đặng Văn T: trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt các văn bản cần tổng đạt cho anh T theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng anh T không có ý kiến và vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, tổng đạt thông báo, văn bản cho đương sự, giao thông báo thụ lý, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho Viện kiểm sát, đương sự đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đương sự đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81 và 82 Luật Hôn nhân và gia đình xem xét quyết định cho chị T được ly hôn anh T; giao con chung là cháu H cho chị T nuôi, ghi nhận chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung không đặt ra giải quyết; chị T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự: căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh T.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: chị T và anh T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã PD, huyện GD, tỉnh Tây Ninh, ngày 04-11-2015. Nên hôn nhân giữa chị T và anh T là hợp pháp.

Theo chị T trình bày thì quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống do tính tình không phù hợp. Từ tháng 5 năm 2016 khi chị T có bầu khoảng 03-04 tháng vợ chồng không sống chung nhà, chị T ở nhà cha mẹ chị T còn anh T ở nhà cha mẹ anh T. Anh T không quan tâm chăm sóc mẹ con chị T, anh T đi làm tiền lương không đủ trả nợ cho anh T khiến chị T còn phải trả nợ phụ anh T. Trước đây chị T có nộp đơn xin ly hôn, sau đó hòa giải đồng ý đoàn tụ để cho anh T cơ hội sửa đổi nhưng anh T vẫn không thay đổi và vợ chồng sống ly thân từ tháng 6 năm 2022 tới nay, không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm. Do tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh T.

Theo biên bản xác minh ngày 23-5-2023, ông Dương Văn C - Trưởng khu phố LK trình bày: anh T hiện đang sống cùng cha mẹ tại khu phố LK. Anh T và chị T là vợ chồng, có một con chung là cháu H. Từ trước tới nay chỉ thấy mình anh T ở cùng cha mẹ mà không thấy chị T. Cháu H sống cùng chị T tại GD, trước đây anh T có hay đón cháu H về nhà chơi, nhưng từ năm 2022 tới nay thì không thấy anh T đón cháu H về chơi nữa.

Theo biên bản xác minh ngày 23-5-2023, ông Đặng Văn C là cha của anh T trình bày: anh T là con của tôi, hiện anh T đang sống cùng vợ chồng tôi tại khu phố LK. Anh T và chị T là vợ chồng, sau khi kết hôn chỉ sống chung được một thời gian ngắn, tới khi chị T mang thai thì về nhà cha mẹ chị T ở GD sống. Anh T và chị T có một con chung là cháu H, thời gian đầu thì vẫn thấy anh T và chị T nói chuyện với nhau, anh T thường xuyên đón cháu H về chơi với vợ chồng tôi, nhưng từ năm 2022 tới nay không thấy liên lạc với nhau và anh T cũng không đón cháu H về chơi với vợ chồng tôi. Tôi có hỏi thì anh T nói do vợ chồng mâu thuẫn, không hàn gắn được, chị T có nộp đơn yêu cầu ly hôn ra Tòa án, nếu chị T đã nhất quyết ly hôn thì anh T cũng đồng ý ly hôn và đồng ý giao cháu H cho chị T nuôi.

Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng giữa chị T và anh T không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo quy định trên.

Xét thấy hôn nhân giữa chị T và anh T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh T.

[2.2] Về con chung: có 01 con chung là cháu Đặng Thị Ngọc H, sinh ngày 16-11-2016. Cháu H mới chỉ hơn 06 tuổi và sống cùng chị T từ nhỏ tới nay, do chị T chăm sóc. Do đó, để đảm bảo về điều kiện hoàn cảnh và sự phát triển bình thường của cháu H, nên giao cháu H cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung: chị T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: chị T trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng, tỉnh Tây Ninh là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị T là nguyên đơn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị Ngọc T về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với anh Đặng Văn T.

1. Về hôn nhân: cho chị Mai Thị Ngọc T ly hôn anh Đặng Văn T.

2. Về con chung: giao con chung là cháu Đặng Thị Ngọc H, sinh ngày 16-11-2016 cho chị Mai Thị Ngọc T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh Đặng Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Mai Thị Ngọc T không yêu cầu; anh Đặng Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: chị Mai Thị Ngọc T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: chị Mai Thị Ngọc T trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: chị Mai Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã

nộp theo biên lai thu số 0027159 ngày 13 tháng 4 năm 2023, của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

6. Chị Mai Thị Ngọc T và anh Đặng Văn T có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Tx Trảng Bàng;
- Chi cục THADS Tx Trảng Bàng;
- UBND xã Phước Đông;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Huy Phong